

Bản án số: 28/2022/HSST

Ngày: 20 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Trung

Ông Vũ V Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại hội T3 xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST- HS, ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bàn Phúc T**, sinh ngày 11/7/1994. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: 5/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bàn Như T1 (đã chết), con bà: D1 Thị N. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; có vợ: Triệu Thị D và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Triệu Sinh V**, sinh ngày 16/3/1998. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn T2, con bà: Triệu Thị H. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Triệu Sinh T3**, sinh ngày 06/7/1999. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn B, con bà: Bàn Thị H. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Triệu Thị H1**, sinh ngày 16/3/2001. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn B, con bà: Bàn Thị H. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Có chồng: Nguyễn Văn Q (đã ly hôn) và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Triệu Tiến K**, sinh ngày 23/12/1993. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm K, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ V hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Sinh T4, con bà: Phan Thị Đ. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có vợ: Nguyễn Thị M. và có 02 con chung; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Triệu Thị Đ1**, sinh ngày 01/01/1971. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ V hóa: 0/10; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Tiến T2 (đã chết), con bà: Bàn Thị N (đã chết). Gia đình có 12 anh em, bị cáo là con thứ 8 trong gia đình; Có chồng: Triệu Văn A và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 26/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Triệu Văn D1**, sinh ngày 16/9/1978. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ V hóa: 3/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Tiến M (đã chết), con bà: Phan Thị M1. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; có vợ: Triệu Thị T5 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 26/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Triệu Thị T5**, sinh ngày 01/01/1978. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ V hóa: 0/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Như P (đã chết), con bà: Bàn Thị T6. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có chồng: Triệu Văn D1 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân Thân: Tại bản án số 58/2016 ngày 08/7/2016. Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt Triệu Thị T5 03 tháng tù về tội “đánh bạc”, phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng). T5 chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2017 và hình phạt bổ sung ngày 09/2/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 26/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Triệu Sinh T7**, sinh ngày 20/11/1990. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: 9/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn H2 (đã chết), con bà: Bàn Thị N1. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; có vợ: Trần Thị H3, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 17047 ngày 13/5/2020, Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong ngày 27/5/2020.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Bàn Phúc L**, sinh ngày 05/11/1990. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ V hóa: 5/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bàn Như T1 (đã chết), con bà: Dương Thị N. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; có vợ: Lê Thị T8 và có 01 con; tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại bản án số 09/2020/HS-ST ngày 18/2/2020 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị T5:

Ông Đoàn Anh Tuấn – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị Đ1:

Ông Nguyễn Văn Độ – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

Người chứng kiến: Ông Đặng Văn Hoa, sinh năm 1984/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/02/2022, tại khu vực đồi cây Keo của gia đình chị Lê Thị L1 (sinh năm 1981) ở xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an xã T, huyện Đ bắt quả tang Bàn Phúc T, Triệu Thị T5, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1, Triệu Thị H1,

Triệu Tiên K, Triệu Sinh V, Bàn Phúc L đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Lợi dụng lúc hỗn loạn H1, K, V, T, L đã bỏ chạy, còn lại Triệu Thị T5, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 bị bắt giữ.

Vật chứng thu giữ tại cH1 bạc gồm: 6.610.000đ (Sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 bát sứ con màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình vuông được làm bằng tre, một mặt trắng, một mặt đen, 01 bao tải dừa màu đỏ kích thước (97x55) cm, 01 bảng vị làm bằng bìa cát tông kích thước (26x16) cm. Thu giữ tại túi quần trước bên phải của Triệu Văn D1 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thu giữ tại túi quần phía trước bên phải Triệu Thị T5 số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng), tại túi quần phía trước bên trái của T5 số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 11h ngày 17/02/2022, Bàn Phúc T cùng Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Sinh T3 đang uống rượu tại nhà T, lúc này Triệu Thị T5 đến chơi. Trong lúc uống rượu gần xong thì T nói với mọi người “*Hay mấy anh em làm tý*” ý nói là đánh bạc được thua bằng tiền, thì mọi người đồng ý, sau đó T3 nói đi có việc tý nữa quay lại. Đến khoảng 13h cùng ngày sau khi uống rượu xong, V đi làm 04 quân đóm bằng tre, một mặt bôi đen và đi lên đồi keo cách nhà T khoảng 10m, thì thấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ có sẵn ở đồi, nên V có nói với mọi người là “*không phải mang bát, đĩa đâu, trên này có rồi*” sau đó Bàn Phúc T và Triệu Sinh T7, Triệu Thị T5 đi bộ lên đồi. V là người xóc cái, tham gia đánh bạc lúc này có T, T7, T5, sau đó có T3, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 đến tham gia đánh bạc. Trong lúc đánh bạc thì T3 và T7 hết tiền đi về trước. Các đối tượng còn lại đánh bạc đến khoảng 15h10 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an xã T, huyện Đ bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Về hình thức đánh bạc các bị cáo quy ước như sau:

Người chơi có 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, người cầm cái sẽ là người xóc cái để cho mọi người tham gia đánh bạc, quy định bên tay trái người cầm cái là cửa lẻ, bên tay phải người cầm cái là cửa chẵn, khi người cầm cái xóc cái xong thì mọi người bắt đầu đặt cửa chẵn hoặc lẻ, người cầm cái mở bát nếu có 03 quân vị mặt trắng hoặc đen thì cửa lẻ sẽ thắng, 02 quân vị mặt trắng, 02 quân vị mặt đen; 04 quân vị mặt trắng hoặc đen thì cửa chẵn sẽ thắng, người thắng sẽ được gấp đôi số tiền đã đặt, đặt cược thấp nhất là 10.000đ (mười nghìn đồng), cao nhất thì tùy vào từng người chơi đặt tiền. Cách thức đánh bằng vị: Khi người xóc cái mở bát mà có 04 quân vị mặt màu đen hoặc 04 quân vị mặt màu trắng thì người nào đặt tiền vào bảng vị vào ô số 04 là 10.000đ sẽ thắng 100.000đ, còn khi người xóc cái mở bát có 03 mặt đen, 01 mặt trắng, thì người đặt vào ô số 03 số tiền 10.000đ sẽ thắng 30.000đ, hoặc 03 mặt trắng, 01 mặt đen người nào đặt tiền vào bảng vị ô số 01 số tiền 10.000đ sẽ thắng 30.000đ.

Các bị cáo đánh bạc cụ thể như sau:

Bàn Phúc T khai nhận: Khi đánh bạc T có 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*), sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, đánh được khoảng 20 đến 30 ván, có T7 có thua. Số tiền đánh bạc T vớt lại chiếu bạc và bị thu giữ tại biên bản phạm tội quả tang.

Triệu Thị T5 khai nhận: có 530.000đ, sử dụng 500.000đ để đánh bạc. T5 đánh bạc thua còn 200.000đ, khi bị bắt quả tang thì cất vào túi quần phía trước bên trái số tiền 200.000đ. Còn 30.000đ T5 không sử dụng để đánh bạc cất tại túi quần phía trước bên phải. Đến khoảng 15 giờ 30 thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang.

Triệu Thị Đ1 khai nhận: Khi đánh bạc, Đ1 có 30.000đ, chơi được 03 ván, mỗi ván 10.000đ và thua hết số tiền trên.

Triệu Văn D1 khai nhận: Khi đánh bạc D1 có 1.500.000đ để tham gia đánh bạc, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi đánh D1 đặt cược được 2 ván mỗi ván 50.000đ, có ván thắng, ván thua. Khi thấy lực lượng Công an bắt quả tang thì đã cất số tiền trên vào túi quần và bị thu giữ khi Công an bắt quả tang.

Triệu Tiến K khai nhận: Khi tham gia đánh bạc K mang theo khoảng 900.000đ và mục đích sử dụng hết số tiền đó để tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc có thắng thua nên khi bị bắt quả tang K còn khoảng 300.000đ và cầm toàn bộ số tiền đó bỏ chạy, sau đó đã sử dụng hết số tiền đó.

Triệu Thị H1 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc H1 có 450.000đ và dùng 450.000đ này để tham gia đánh bạc, khi chơi có thắng thua đến khi bị bắt H1, đánh được khoảng 20 ván, khi bị Công an đến bắt H1 có khoảng 650.000đ và đã cầm theo số tiền đó bỏ chạy, sau đó đã sử dụng hết số tiền đó.

Triệu Sinh T3 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc T3 có khoảng 1.700.000đ và mục đích sử dụng hết số tiền đó để đánh bạc, đánh được khoảng 20 đến 30 ván. Đánh đến khoảng 15 giờ thì thua hết tiền nên đi về trước.

Triệu Sinh T7 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc T7 có 50.000đ sử dụng hết để đánh bạc. Do thua hết tiền nên đến khoảng 15 giờ thì T7 đi về trước.

Bàn Phúc L khai nhận: Khi tham gia đánh bạc L không có tiền nên vay của V 20.000đ để đánh 01 ván thì thua. Đến khoảng 15h thì thấy lực lượng Công an đến L bỏ chạy.

Triệu Sinh V khai nhận: Khi đánh bạc V có khoảng 700.000đ, đánh được khoảng 15-20 ván thì hết tiền, sau đó có vay của H1 1.000.000 đồng sau đó tiếp tục đánh. Mọi người cùng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 10 phút thì thấy lực lượng công an đến thì V bỏ chạy.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.310.000đ (*tám triệu ba trăm mười nghìn đồng*). Trong đó 6.610.000đ (*sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng*) thu giữ tại chiếu bạc, 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) thu giữ trên người Triệu Văn D1 và 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) thu giữ trên người Triệu Thị T5.

Bản Cáo trạng số 28/CT-VKSĐH ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Bàn Phúc T, Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Thị T5, Triệu Sinh T3, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Bàn Phúc T, Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Thị T5, Triệu Sinh T3, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K phạm tội “Đánh bạc”.

- Về trách nhiệm hình sự, đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Bàn Phúc T, Triệu Sinh V, Triệu Sinh T3, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1, Triệu Tiến K mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Sinh T7 từ 06 đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Thị T5 từ 09 đến 12 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bàn Phúc L từ 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình vuông được làm bằng tre, một mặt trắng, một mặt đen, 01 bao tải dừa màu đỏ kích thước 97x55cm, 01 bảng vị làm bằng bìa cát tông kích thước 26x16cm; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **8.310.000 đồng** các bị cáo dùng để đánh bạc. Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000đ thu giữ của bị cáo T5 để đảm bảo thi hành án phí.

- Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị T5 đề nghị xử phạt bị cáo ở mức 06 tháng đến 09 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị Đ1 đề nghị xử phạt bị cáo ở mức 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì

bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/02/2022, tại đồi Keo của gia đình chị Lê Thị L1 ở xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bàn Phúc T, Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Thị T5, Triệu Sinh T3, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.310.000đ (*tám triệu ba trăm mười nghìn đồng*) thì bị tổ công tác Công an huyện Đ bắt quả tang, trong khi bị bắt quả tang Bàn Phúc T, Triệu Sinh V, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Tiến K bỏ chạy, còn lại Triệu Văn D1, Triệu Thị T5, Triệu Thị Đ1 bị Công an bắt giữ và thu giữ toàn bộ vật chứng có L1 quan.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, việc Viện kiểm sát truy tố để xét xử đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử xác định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến kinh tế gia đình, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng:

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công thực hiện hành vi phạm tội từ trước.

Về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Bàn Phúc L có một tiền án về tội “Đánh bạc”, bị cáo Triệu Thị T5 từng bị xử phạt tù về tội đánh bạc, bị cáo Triệu Sinh T7 từng bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, các bị cáo còn lại có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Bàn Phúc T, Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Sinh T3, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bàn Phúc L có tiền án phải chịu tình 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là "*Tái phạm*". Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Đối với bị cáo Bàn Phúc L, Triệu Thị T5, Triệu Sinh T7 có tiền án và từng có tiền án, tiền sự, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo L, bị cáo T5 và bị cáo T7 ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung. Căn cứ vào tính chất, mức độ tham gia vào việc phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, trong lượng hình, Hội đồng xét xử đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Bàn Phúc T, Triệu Sinh V, Triệu Sinh T3, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K đều phạm tội lần đầu và thuộc T3 hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Giao các bị cáo cho ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, qua đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo hầu hết thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị các bị cáo.

[5]. Vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình vuông được làm bằng tre, một mặt trắng, một mặt đen, 01 bao tải dừa màu đỏ kích thước 97x55cm, 01 băng vị làm bằng bìa cát tông kích thước 26x16cm; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền

8.310.000đ (*Tám triệu ba trăm mười nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các bị cáo dùng để đánh bạc; Số tiền bị cáo T5 không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung và án phí. Cụ thể tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Triệu Thị T5 để đảm bảo thi hành án phí.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo nên cần được chấp nhận.

Xét luận cứ bào chữa của người bào chữa cho hai bị cáo Triệu Thị T5 và Triệu Thị Đ1 về nguyên nhân, động cơ phạm tội của hai bị cáo, đề nghị về mức hình phạt đối với hai bị cáo là có cơ sở.

[6]. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

[7]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc KH1 nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, chị Lê Thị L1 không biết các bị cáo đánh bạc tại đồi cây của gia đình mình nên chị L1 không đồng phạm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Bàn Phúc T, Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Thị T5, Triệu Sinh T3, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K phạm tội “Đánh bạc”.

[2]. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bàn Phúc T 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bàn Phúc T cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Sinh V 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Sinh V cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Sinh T3 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Sinh T3 cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Thị H1 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Thị H1 cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Tiến K 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Tiến K cho ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Thị Đ1 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Thị Đ1 cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Văn D1 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Văn D1 cho ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trong T3 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Sinh T7 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Triệu Sinh T7 bị bắt đi thi hành án.

2.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Triệu Thị T5 09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Triệu Thị T5 bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 26/02/2022.

2.10. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bàn Phúc L 12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Bàn Phúc L bị bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị các bị cáo.

[3]. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát con bằng sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình vuông được làm bằng tre, 01 bao tải dừa màu đỏ kích thước 97x55cm, 01 bảng vị làm bằng bìa cát tông kích thước 26x16cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **8.310.000đ** (Tám triệu ba trăm mười nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền **30.000đ** (ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Triệu Thị T5 để đảm bảo thi hành án phí.

[4]. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bàn Phúc T, Triệu Sinh T7, Triệu Sinh V, Triệu Thị T5, Triệu Sinh T3, Bàn Phúc L, Triệu Thị H1, Triệu Thị Đ1, Triệu Văn D1 và Triệu Tiến K mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nường